

PHỤ LỤC

**Thông qua Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Đắk Tô,
tỉnh Kon Tum đến năm 2040**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 55 /NQ-HĐND, ngày 15 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng Nhân dân huyện Đắk Tô)*

1. Tên nhiệm vụ, tỷ lệ quy hoạch:

a) Tên nhiệm vụ: Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2040.

b) Tỷ lệ quy hoạch: 1/25.000.

2. Phạm vi ranh giới vùng và thời hạn quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Đắk Tô, với 9 đơn vị hành chính cấp xã gồm 01 thị trấn và 08 xã: Diên Bình, Pô Kô, Tân Cảnh, Kon Đào, Ngọc Tụ, Đắk Rơ Nga, Đắk Trám, Văn Lem và thị trấn Đắk Tô, giới hạn tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp huyện Đắk Hà và huyện Tu Mơ Rông;
- Phía Tây giáp huyện Ngọc Hồi;
- Phía Nam giáp huyện Sa Thầy và huyện Đắk Hà;
- Phía Bắc giáp huyện Tu Mơ Rông.

b) Quy mô diện tích vùng: Toàn huyện có tổng diện tích tự nhiên khoảng 50.870,31 ha (508,7 km²).

c) Quy mô dân số: Tổng dân số huyện năm 2022: 51.436 người. Trong đó, dân số đô thị là 14.636 người.

d) Thời hạn quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

3. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch:

a) Quan điểm:

- Quy hoạch phát triển huyện Đắk Tô phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực.

- Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, tăng cường hợp tác với các địa phương trong Tỉnh nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội;

- Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học - kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm tận dụng tốt mọi cơ hội phát triển, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển mạnh về công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ...

- Gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là vùng sâu, vùng xa và các vị trí chiến lược trên địa bàn huyện. Bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên và môi trường.

b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch kinh tế - xã hội huyện Đăk Tô đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển xã hội của huyện.

- Tập trung nguồn lực phát triển công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giá trị cao.

- Xây dựng thị trấn Đăk Tô đạt các tiêu chí đô thị loại IV. Xây dựng công tác quy hoạch, quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

4. Tính chất, chức năng vùng

- Là một trong những cực vệ tinh quan trọng của Tỉnh, nằm trong vùng liên huyện phía Nam được xác định là vùng động lực chủ đạo phát triển kinh tế Tỉnh.

- Là đầu mối giao thông liên vùng quan trọng của Tỉnh. Là nơi hội tụ, gắn kết, giao lưu văn hóa các dân tộc của huyện và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc trong và ngoài tỉnh.

- Là vùng có tiềm năng về đất đai, tài nguyên rừng và tài nguyên nước có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có nhiều di tích lịch sử, kết hợp văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thuận lợi phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với thương mại nông nghiệp và phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở đảm bảo an toàn về quốc phòng - an ninh.

- Là vùng phát triển công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giá trị cao. Xây dựng công tác quy hoạch, quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

5. Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án:

a) Dự báo quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 57.500 người; Đến năm 2040 khoảng 68.000 người.

b) Tỷ lệ đô thị hóa:

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn hiện nay đến 2030: khoảng 40,0%, quy mô dân số đô thị khoảng 23.000 người.

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2030-2040: khoảng 44,9 %, quy mô dân số đô thị khoảng 30.500 người.

c) Quy mô đất đai: Quy mô diện tích tự nhiên của huyện: 50.870,31 ha.

- Dự báo quy mô đất đai toàn huyện đến năm 2030: Đất nông nghiệp 43.104,26 ha chiếm khoảng 84,73%; Đất phi nông nghiệp 7.424,41 ha chiếm khoảng 14,60%; Đất chưa sử dụng 341,64 ha chiếm khoảng 0,67% ;

- Dự báo quy mô đất đai toàn huyện đến năm 2040: Đất nông nghiệp 42.339,41 ha chiếm khoảng 83,23%; Đất phi nông nghiệp: 8.220,59 ha chiếm khoảng 16,16%; Đất chưa sử dụng 310,31 ha chiếm khoảng 0,61% .

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu tối thiểu	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện	1000 người	-	57,5	68,0
	Tỷ lệ tăng dân số trung bình/năm	%	-	1,5	1,5
	<i>Tăng tự nhiên</i>	%	-	1,2	1,2
	<i>Tăng cơ học</i>	%	-	0,3	0,3
2	Tỷ lệ đô thị hoá	%	-	40,0	44,9
3	Đất dân dụng đô thị	m ² /người	50-80	50-80	50-80
4	Đất ở trung bình				
	Khu vực đô thị	m ² /người	28-45	28-45	28-45
	Khu vực nông thôn	m ² /người	25	>25	>25
5	Chỉ tiêu cấp điện				
5.1	<i>Cấp điện sinh hoạt</i>	Qsh			
	- Khu vực đô thị	W/người	200	200	300
	- Các điểm dân cư nông thôn	W/người	150	150	200
5.2	<i>Công nghiệp</i>	kw/ha	20-250	50 - 250	50 - 250
5.3	<i>Công cộng-Dịch vụ</i>				
	Khu vực đô thị	% Qsh	30	30	30
	Các điểm dân cư nông thôn	% Qsh	15	15	15
6	Chỉ tiêu cấp nước				
6.1	<i>Sinh hoạt</i>	Qsh			
	- Khu vực đô thị	lít/người/ng.đ	100	100	120
	- Các điểm dân cư nông thôn	lít/người/ng.đ	60	60	80
6.2	<i>Công nghiệp</i>	m ³ /ha.ngđ	20	>20	>20

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu tối thiểu	Đến năm 2030	Đến năm 2040
6.3	Công cộng	%Qsh	10	10	10
7	Thu gom nước thải				
7.1	Thu gom nước thải sinh hoạt				
	Đô thị	%Qsh	80	90	95
	Các điểm dân cư nông thôn	%Qsh	60-80	80	80
7.2	Thu gom nước thải công nghiệp	%Qcn	100	100	100
8	Cây xanh	m ² /người			
	Đô thị	m ² /người	5	≥5	≥5
	Các điểm dân cư nông thôn	m ² /người	2	≥2	≥2
9	Đất giao thông đô thị				
	- Tính đến đường liên khu vực	% đất xây dựng	6	≥ 6	≥7

* Ghi chú: Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện. Trường hợp các dự báo và các chỉ tiêu có sự thay đổi so với nhiệm vụ cân phải luận chứng cụ thể và thông qua các cấp có thẩm quyền xem xét, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu phát triển vùng huyện.

6. Các yêu cầu về nội dung lập quy hoạch vùng huyện

a) Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch huyện; các căn cứ lập quy hoạch; vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

b) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng.

c) Đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch đang có hiệu lực.

d) Xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng.

e) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển.

f) Định hướng phát triển không gian vùng huyện:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;
- Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng;

- Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị; Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

g) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện:

Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng huyện, gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

h) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn;
- Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng;

- Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch;

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

i) Quy định quản lý theo quy hoạch huyện, bao gồm:

- Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý.
- Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế.
- Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn.
- Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng.

- Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính

quyền địa phương trong vùng theo đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

- Các quy định khác theo chức năng của vùng.

j) Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên.

- Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư.

- Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.

+ Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư.

+ Bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và di sản văn hoá truyền thống trên địa bàn huyện.

- Các chương trình đầu tư:

+ Trên cơ sở của đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.

+ Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư với sự ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, phát triển đầu mối HTKT cấp vùng.

+ Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang.

- Tổng hợp kinh phí đầu tư, nguồn lực thực hiện, đề xuất nguồn lực thực hiện.

+ Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của vùng huyện (*khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, ...*) từ đó xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.

+ Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn huyện.

+ Đề xuất nguồn lực thực hiện.

7. Hồ sơ sản phẩm và nguồn vốn thực hiện.

a) Hồ sơ sản phẩm.

- Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ

Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ (*không kể hồ sơ trình duyệt và thẩm định*). Nội dung thể hiện theo quy định hiện hành

b) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác./.